

ĐỀ CHÍNH THỨC

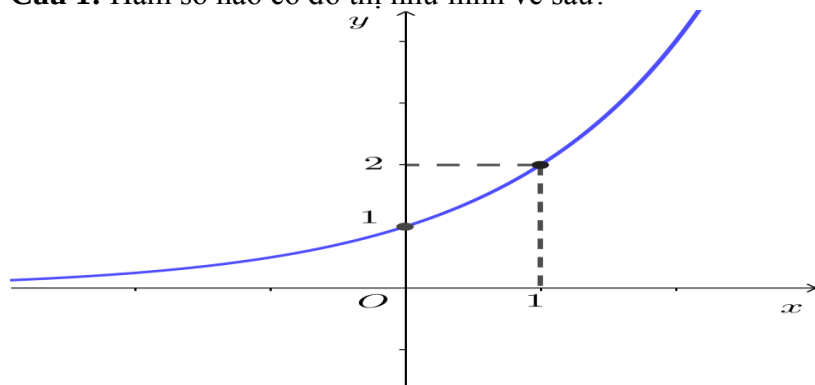
(Đề có 4 trang)

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Mã đề thi 654

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Hàm số nào có đồ thị như hình vẽ sau?



- A. $y = \log_{\frac{1}{2}} x$. B. $y = \log_2 x$. C. $y = \left(\frac{1}{2}\right)^x$. D. $y = 2^x$.

Câu 2: Cho $x, y > 0$ và $\alpha, \beta \in \mathbb{R}$. Tìm đẳng thức sai dưới đây.

- A. $(xy)^\alpha = x^\alpha \cdot y^\alpha$. B. $(x^\alpha)^\beta = x^{\alpha\beta}$.
C. $x^\alpha \cdot x^\beta = x^{\alpha+\beta}$. D. $x^\alpha + y^\alpha = (x+y)^\alpha$.

Câu 3: Cho a, b là các số thực dương thỏa mãn $a > 0, a \neq 1$, và $b > 0$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $\log_a b = x \Leftrightarrow b^x = a$ (với $x \in \mathbb{R}$). B. $\log_a b = x \Leftrightarrow a^x = b$ (với $x \in \mathbb{R}$).
C. $\log_a b = x \Leftrightarrow x^a = b$ (với $x \in \mathbb{R}$). D. $\log_a b = x \Leftrightarrow x^b = a$ (với $x \in \mathbb{R}$).

Câu 4: Tính thể tích của khối chóp biết đáy của nó là tam giác đều cạnh $9a$, chiều cao hình chóp gấp 4 lần cạnh đáy của hình chóp.

- A. $486a^3$. B. $243\sqrt{3}a^3$. C. $729\sqrt{3}a^3$. D. $486\sqrt{3}a^3$.

Câu 5: Cho hai biến cố A và B . Biến cố giao của A và B là biến cố:

- A. A hoặc B xảy ra. B. A không xảy ra và B xảy ra.
C. A xảy ra và B không xảy ra. D. Cả A và B cùng xảy ra.

Câu 6: Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm tại x_0 thỏa mãn $f'(x_0) = 2025$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $2025 = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{x - x_0}$. B. $2025 = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) + f(x_0)}{x + x_0}$.
C. $2025 = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{x + x_0}$. D. $2025 = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) + f(x_0)}{x - x_0}$.

Câu 7: Cho hàm số $y = x^3 - 6x^2 + 1$ có đồ thị (C) và đường thẳng $d: y = 36x - 215$. Gọi đường thẳng $\Delta: y = ax + b$ là tiếp tuyến của (C) và Δ song song với d . Tính tổng của a và b .

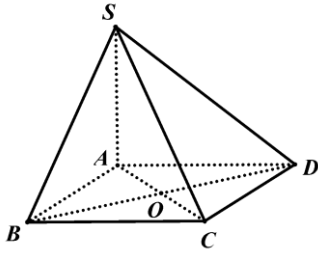
A. 179 .

B. -77 .

C. -179 .

D. 77 .

Câu 8: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông tâm O ; cạnh bên SA vuông góc với đáy (nhìn hình). Khẳng định nào sau đây là đúng?



A. $(SD, (ABCD)) = (SD, CD)$.

B. $(SD, (ABCD)) = (SD, BD)$.

C. $(SD, (ABCD)) = (SD, AD)$.

D. $(SD, (ABCD)) = (SD, SA)$.

Câu 9: Cho hai biến cố A và B xung khắc. Khi đó

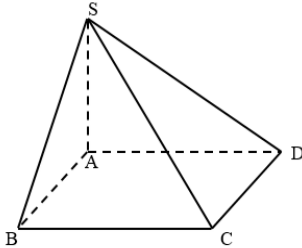
A. $P(A \cup B) = P(A) + P(B)$.

B. $P(A \cup B) = P(A) \cdot P(B)$.

C. $P(A \cup B) = \frac{P(A)}{P(B)}$.

D. $P(A \cup B) = P(A) - P(B)$.

Câu 10: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật. Góc giữa hai đường thẳng AB và CD bằng bao nhiêu?



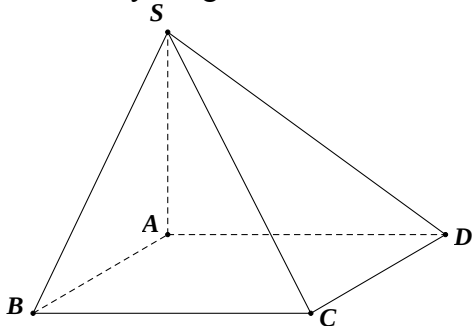
A. 180° .

B. 45° .

C. 90° .

D. 0° .

Câu 11: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông, SA vuông góc mặt phẳng đáy. Mệnh đề nào sau đây đúng?



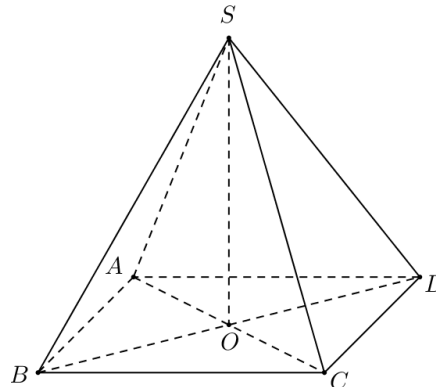
A. $AD \perp (SBD)$.

B. $AD \perp (SCD)$.

C. $AD \perp (SAC)$.

D. $AD \perp (SAB)$.

Câu 12: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông tâm O , SO vuông góc với mặt phẳng đáy.



Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $(SAC) \perp (SBC)$.
B. $(SAC) \perp (SAD)$.
C. $(SAC) \perp (SAB)$.
D. $(SAC) \perp (SBD)$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bất phương trình $\log_5(x+11) - 3 \geq \log_5 \frac{16}{375} + \log_5(2x-7)$ (1)

- a) Điều kiện xác định của bất phương trình là $x > -11$.
b) Bất phương trình tương đương với bất phương trình $\log_5 \frac{x+11}{125} \geq \log_5 \frac{16(2x-7)}{375}$.
c) Tập nghiệm bất phương trình là $(-\infty; 5]$.
d) Gọi S là tổng của các nghiệm nguyên dương thỏa bất phương trình (1). Khi đó $S = 15$.

Câu 2: Một hộp chứa 14 viên bi cùng kích thước và khối lượng, trong đó có 8 viên bi xanh và 6 viên bi vàng. Lấy ngẫu nhiên 2 viên bi từ hộp. Gọi A là biến cố “lấy được 2 viên bi vàng”, B là biến cố “lấy được 2 viên bi khác màu”.

- a) A và B là hai biến cố xung khắc.
b) Xác suất của biến cố A là $P(A) = \frac{1}{3}$.
c) Xác suất của biến cố B là $P(B) = \frac{1}{12}$.
d) Xác suất của biến cố “lấy được 2 viên bi khác màu hoặc cùng màu xanh” bằng $\frac{76}{91}$.

Câu 3: Một vật chuyển động trên đường thẳng có phương trình $s(t) = t^3 - 6t^2 + 7t - 2$ (t tính bằng giây, s tính bằng mét)

- a) Công thức biểu thị vận tốc của vật là $v(t) = s'(t)$.
b) Vận tốc của vật tại thời điểm $t = 5$ là $22(m/s)$.
c) Tại thời điểm gia tốc của vật bằng $42(m/s^2)$ thì vận tốc của vật là $142(m/s)$.
d) Vật chuyển động với vận tốc nhỏ nhất là $-5(m/s)$.

Câu 4: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông $ABCD$, ΔSAB đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với mặt phẳng đáy. Gọi H là trung điểm của cạnh AB .

- a) $(SB, CD) = 90^\circ$.
b) $SH \perp (ABCD)$.
c) Mặt phẳng (SBC) vuông góc với mặt phẳng (SAB) .
d) $((SAD), (SBC)) = 60^\circ$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2001, dân số Việt Nam khoảng 78690000 người. Nếu tỉ lệ tăng dân số hàng năm luôn là 1,7% thì ước tính số dân Việt Nam sau x năm kể từ năm 2001 được tính theo hàm số sau:

$f(x) = 78,69e^{0,017x}$ (triệu người). Tốc độ gia tăng dân số (triệu người) sau x năm kể từ năm 2001 được xác định bởi hàm số $f'(x)$. Gọi T là tốc độ gia tăng dân số Việt Nam theo đơn vị triệu người/năm vào năm 2030 (T được làm tròn kết quả đến hàng phần mười). Tìm T .

Câu 2: Cho lăng trụ đứng $ABC.A'B'C'$ có đáy là $\triangle ABC$ vuông tại B , $BC = 36$, $AC = 85$. Tính khoảng cách từ A đến $(BCC'B')$.

Câu 3: Sau khi bệnh nhân uống một liều thuốc, lượng thuốc còn lại trong cơ thể giảm dần theo thời gian và được tính theo công thức $D(t) = D_0 \cdot a^t$ (mg), trong đó D_0 và a là hằng số dương, t là thời gian tính bằng giờ kể từ thời điểm uống thuốc. Biết bệnh nhân đã uống 200 mg thuốc và sau 1 giờ thì lượng thuốc trong cơ thể còn 100 mg . Sau 5 giờ thì lượng thuốc trong cơ thể bệnh nhân còn lại b (mg). Tính b .

Câu 4: Bài thi môn Toán trắc nghiệm bốn lựa chọn có 20 câu, mỗi câu có 4 phương án trả lời, trong đó chỉ có 1 phương án đúng, mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Sau khi bạn Hùng đã làm chắc chắn đúng 15 câu, Hùng chọn ngẫu nhiên 5 câu còn lại. Xác suất để điểm thi của Hùng không dưới 9 điểm là $\frac{a}{b}$ (là phân số tối giản). Tính tổng của a và b .

Câu 5: Phương trình tiếp tuyến với đồ thị hàm số $y = -3x^4 + 7x^2 + 5$ tại điểm có hoành độ bằng -3 có dạng $y = ax + b$. Tính $a - b$.

Câu 6: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác đều cạnh $2a$, $SA \perp (ABC)$ và $SA = 6a$. Tính theo đơn vị độ góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng (SAB) ? (Kết quả làm tròn đến độ).

----- **HẾT** -----

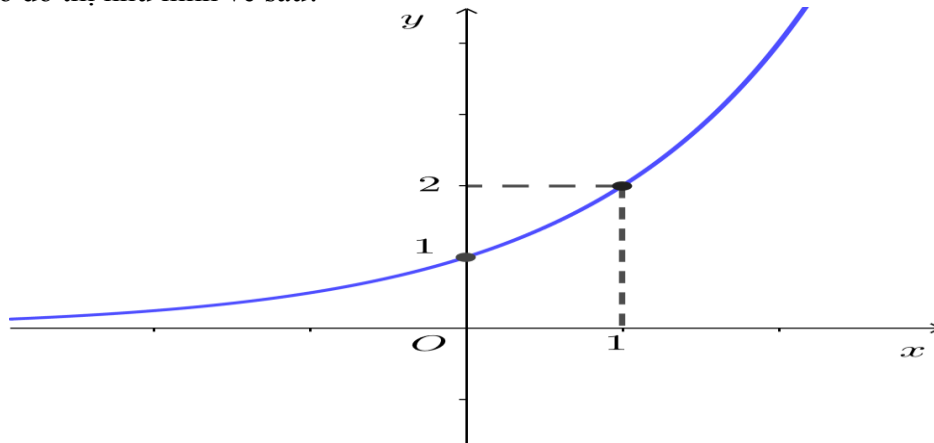
- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

PHẦN LỜI GIẢI

Câu 1: D

Lời giải:

Hàm số nào có đồ thị như hình vẽ sau?



Lời giải

Hàm số đi qua $(0;1);(1;2)$ nên $y = 2^x$.

Câu 2: D

Lời giải:

Theo tính chất của lũy thừa thì đẳng thức $x^\alpha + y^\alpha = (x + y)^\alpha$ Sai.

Câu 3: B

Lời giải:

Cho a, b là các số thực dương thỏa mãn $a > 0, a \neq 1$, và $b > 0$. Khẳng định nào sau đây là đúng ?

A. $\log_a b = \alpha \Leftrightarrow a^\alpha = b$ (với $\alpha \in \mathbb{R}$).

B. $\log_a b = \alpha \Leftrightarrow b^\alpha = a$ (với $\alpha \in \mathbb{R}$).

C. $\log_a b = \alpha \Leftrightarrow \alpha^a = b$ (với $\alpha \in \mathbb{R}$).

D. $\log_a b = \alpha \Leftrightarrow \alpha^b = a$ (với $\alpha \in \mathbb{R}$).

Lời giải

Theo định nghĩa lôgarit: $\log_a b = \alpha \Leftrightarrow a^\alpha = b$ (với $\alpha \in \mathbb{R}$).

Câu 4: B

Lời giải:

$$V = \frac{1}{3} B.h = \frac{1}{3} \frac{(9a)^2 \sqrt{3}}{4} .36a = 243\sqrt{3}a^3$$

Câu 5: D

Lời giải:

Cho hai biến cố A và B . Biến cố giao của A và B là biến cố:

Lời giải

Cho hai biến cố A và B . Biến cố “Cả A và B cùng xảy ra”, kí hiệu AB hoặc $A \cap B$ được gọi là **biến cố giao** của A và B .

Câu 6: A

Lời giải:

$$f'(x_0) = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{x - x_0} \Rightarrow 2025 = \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x) - f(x_0)}{x - x_0}.$$

Câu 7: D

Lời giải:

$$y = x^3 - 6x^2 + 1 \Rightarrow y' = 3x^2 - 12x$$

$$\text{Tiếp tuyến song song d nên: } 3x^2 - 12x = 36 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -2 \Rightarrow \Delta: y = 36x + 41(n) \\ x = 6 \Rightarrow \Delta: y = 36x - 215(l) \end{cases}$$

$$a = 36, b = 41 \Rightarrow a + b = 77.$$

Câu 8: C

Lời giải:

$$(SC, (ABCD)) = (SC, AC).$$

Câu 9: A

Lời giải:

Cho hai biến cố A và B xung khắc. Công thức nào sau đây dùng để tính xác suất của biến cố $A \cup B$?

Lời giải

Quy tắc cộng cho hai biến cố xung khắc:

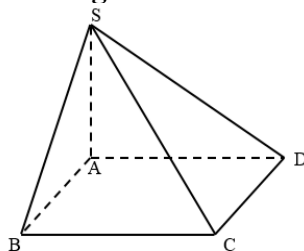
Cho hai biến cố xung khắc A và B . Khi đó $P(A \cup B) = P(A) + P(B)$.

Câu 10: D

Lời giải:

Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình chữ nhật. Góc giữa hai đường thẳng AB và CD bằng bao nhiêu?

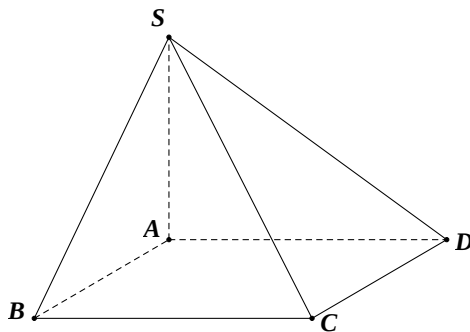
Lời giải



Do $AB \parallel CD$ nên góc giữa chúng bằng 0° .

Câu 11: D

Lời giải:



$$\text{Ta có } \begin{cases} SA \perp AD \\ AB \perp AD \end{cases} \Rightarrow AD \perp (SAB).$$

Câu 12: D

Lời giải:

$$\begin{cases} BD \perp AC \\ BD \perp SO \text{ (} SO \perp (ABCD) \text{)} \end{cases} \Rightarrow BD \perp (SAC) \Rightarrow (SBD) \perp (SAC)$$

Câu 13: SDSS

Lời giải:

Cho bất phương trình $\log_5(x+11) - 3 \geq \log_5 \frac{16}{375} + \log_5(2x-7)$ (1)

a) Điều kiện xác định của bất phương trình là $x > -11$.

b) Bất phương trình tương đương với bất phương trình $\log_5 \frac{x+11}{125} \geq \log_5 \frac{16(2x-7)}{375}$.

c) Tập nghiệm bất phương trình là $(-\infty; 5]$.

d) Gọi S là tổng của các nghiệm nguyên dương thỏa bất phương trình (1). Khi đó $S = 15$.

Lời giải chi tiết

a) Điều kiện xác định của bất phương trình là $x > \frac{7}{2} \Rightarrow a)S$

b) (1) $\Leftrightarrow \log_5 \frac{x+11}{125} \geq \log_5 \frac{16(2x-7)}{375} \Rightarrow b)D$

$$\Leftrightarrow \frac{x+11}{125} \geq \frac{16(2x-7)}{375} \Leftrightarrow (x+11)3 \geq 16(2x-7)$$

$$\Leftrightarrow x \leq 5 \text{ (ss đk)}$$

Kết luận: $\frac{7}{2} < x \leq 5 \Rightarrow c)S$.

Gọi S là tổng của các nghiệm nguyên dương thỏa bất phương trình (1). Khi đó $S = 4 + 5 = 9 \Rightarrow d)S$

Câu 14: DSSD

Lời giải:

Lời giải chi tiết

a) A xảy ra thì B không xảy ra và ngược lại suy ra A và B là hai biến cố xung khắc.

$$b) \text{Xác suất của biến cố A là } P(A) = \frac{C_6^2}{C_{14}^2} = \frac{15}{91}.$$

$$c) \text{Xác suất của biến cố B là } P(B) = \frac{C_8^1 C_6^1}{C_{14}^2} = \frac{48}{91}.$$

d) Xác suất của biến cố “lấy được 2 viên bi khác màu hoặc cùng màu xanh”

$$\text{Gọi C là biến cố “lấy được 2 viên bi xanh”} \Rightarrow P(C) = \frac{C_8^2}{C_{14}^2} = \frac{4}{91}$$

C xảy ra thì B không xảy ra và ngược lại suy ra A và B là hai biến cố xung khắc.

$$P(B \cup C) = P(B) + P(C) = \frac{48}{91} + \frac{4}{91} = \frac{52}{91}.$$

Câu 15: SDDD

Lời giải:

Một vật chuyển động trên đường thẳng có phương trình $s(t) = t^3 - 6t^2 + 7t - 2$ (t tính bằng giây, s tính bằng mét)

a) Công thức biểu thị vận tốc của vật là $v(t) = s'(t)$.

b) Vận tốc của vật tại thời điểm $t = 5$ là $22(m/s)$.

c) Tại thời điểm gia tốc của vật bằng $42(m/s^2)$ thì vận tốc của vật là $142(m/s)$.

d) Vật chuyển động với vận tốc nhỏ nhất là $-5(m/s)$.

Lời giải chi tiết

a) Công thức biểu thị vận tốc của vật là $v(t) = s'(t) \Rightarrow a)S$

b) Vận tốc của vật tại thời điểm $t = 5$ là $v(t) = 3t^2 - 12t + 7 \Rightarrow v(5) = 22(m/s) \Rightarrow b)D$

c) Gia tốc tức thời của vật bằng $42(m/s^2)$

$$a(t) = 42 \Leftrightarrow 6t - 12 = 42 \Leftrightarrow t = 9(s) \Rightarrow v(9) = 142(m/s)$$

Vậy vận tốc tức thời của vật bằng $142(m/s^2)$ tại thời điểm $t = 9(s) \Rightarrow c)D$

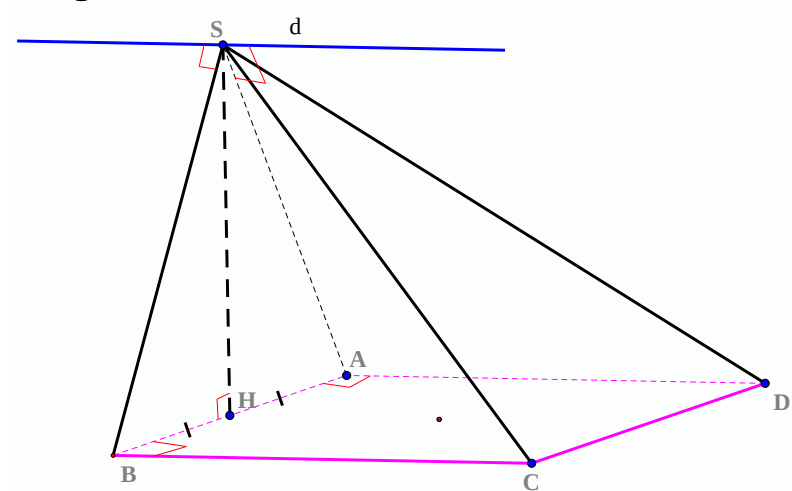
d) Vận tốc nhỏ nhất của chuyển động

$$v(t) = 3t^2 - 12t + 7 \geq 3(t-2)^2 - 5 \geq -5; \forall t \in [0; +\infty)$$

thì vận tốc nhỏ nhất của vật chuyển động là $-5(m/s)$ tại thời điểm $t = 2(s) \Rightarrow d)D$

Câu 16: SDDD

Lời giải:



a) $(SB, CD) = (SB, AB) = SBA = 60^\circ$.

b) $\triangle SAB$ đều S và H là trung điểm của cạnh AB

$$\begin{cases} (SAB) \perp (ABCD) \\ (SAB) \cap (ABCD) = AB \Rightarrow SH \perp (ABCD) \\ SH \perp AB \end{cases}$$

c)

$$\begin{cases} BC \perp AB \\ BC \perp SH \\ AB \cap SH = \{H\} \end{cases} \Rightarrow BC \perp (SAB) \Rightarrow (SBC) \perp (SAB)$$

d)

$$\begin{cases} (SAD) \cap (SBC) = d \ (S \in d, d \parallel AD \parallel BC) \\ SA \subset (SAD), SA \perp AD \Rightarrow SA \perp d \text{ tại } S \Rightarrow ((SAD), (SBC)) = (SA, SB) = ASB = 60^\circ \\ SB \subset (SBC), SB \perp BC \Rightarrow SB \perp d \text{ tại } S \end{cases}$$

Câu 17: 2,2

Lời giải:

Năm 2001, dân số Việt Nam khoảng 78690000 người. Nếu tỉ lệ tăng dân số hàng năm luôn là 1,7% thì ước tính số dân Việt Nam sau x năm kể từ năm 2001 được tính theo hàm số sau:

$f(x) = 78,69e^{0,017x}$ (triệu người). Tốc độ gia tăng dân số (triệu người) sau x năm kể từ năm 2001 được xác định bởi hàm số $f'(x)$. Gọi T là tốc độ gia tăng dân số Việt Nam theo đơn vị triệu người/năm vào năm 2030 (T được làm tròn kết quả đến hàng phần mười). Tìm T .

Lời giải

Ta có: $f'(x) = 78,69 \cdot (0,017x)' \cdot e^{0,017x} = 78,69 \cdot 0,017 \cdot e^{0,017x} = 1,33773e^{0,017x}$

Vậy hàm số thể hiện tốc độ gia tăng dân số sau x năm kể từ năm 2001 là: $f'(x) = 1,33773e^{0,017x}$

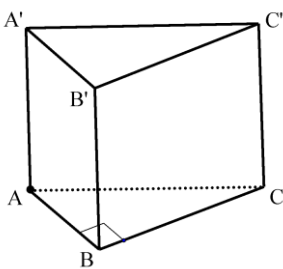
Ta có: $x = 2030 - 2001 = 29$.

Tốc độ gia tăng dân số Việt Nam vào năm 2030 là: $T = f'(29) = 1,33773e^{0,017 \cdot 29} \approx 2,2$ (triệu người/năm).

Theo kết quả trên thì dân số nước ta tăng thêm khoảng 2,2 triệu người trong năm 2030.

Câu 18: 77

Lời giải:



$$d(A, (BCC'B')) = AB = \sqrt{85^2 - 36^2} = 77$$

Câu 19: 6,25

Lời giải:

Sau khi bệnh nhân uống một liều thuốc, lượng thuốc còn lại trong cơ thể giảm dần theo thời gian và được tính theo công thức $D(t) = D_0 \cdot a^t$ (mg), trong đó D_0 và a là hằng số dương, t là thời gian tính bằng giờ kể từ thời điểm uống thuốc. Biết bệnh nhân đã uống 200 mg thuốc và sau 1 giờ thì lượng thuốc trong cơ thể còn 100 mg. Sau 5 giờ thì lượng thuốc trong cơ thể bệnh nhân còn lại b (mg). Tính b .

Lời giải chi tiết

$$D(0) = 200 \Leftrightarrow D_0 \cdot a^0 = 200 \Leftrightarrow D_0 = 200$$

$$D(1) = 100 \Leftrightarrow 200 \cdot a^1 = 100 \Leftrightarrow a = \frac{1}{2}$$

$$\Rightarrow D(5) = 200 \cdot \left(\frac{1}{2}\right)^5 = 6,25 \text{ (mg)} \Rightarrow b = 6,25$$

Câu 20: 565

Lời giải:

Bài thi môn Toán trắc nghiệm bốn lựa chọn có 20 câu, mỗi câu có 4 phương án trả lời, trong đó chỉ có 1 phương án đúng, mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Sau khi bạn Hùng đã làm chắc chắn đúng 15 câu, Hùng chọn ngẫu nhiên 5 câu còn lại. Xác suất để điểm thi của Hùng không dưới 9 điểm là $\frac{a}{b}$ (là phân số tối giản). Tính tổng của a và b.

Lời giải chi tiết

Bạn Hùng đã làm chắc chắn đúng 15 câu $\Rightarrow$ bạn được chắc chắn 7,5 điểm
 để điểm thi của Hùng không dưới 9 điểm $\Rightarrow$ cần thêm ít nhất 1,5 điểm
 $\Rightarrow$ Hùng phải làm số câu hỏi đúng tối thiểu là 3 câu trong 5 câu còn lại
 A là biến cố “Hùng chọn ngẫu nhiên đúng ít nhất 3 câu đúng”

$$P(A) = C_5^3 \left(\frac{1}{4}\right)^3 \left(\frac{3}{4}\right)^2 + C_5^4 \left(\frac{1}{4}\right)^4 \left(\frac{3}{4}\right) + C_5^5 \left(\frac{1}{4}\right)^5 = \frac{53}{512} \Rightarrow a = 53, b = 512$$

Vậy : $a + b = 565$

Câu 21: -389

Lời giải:

Phương trình tiếp tuyến với đồ thị hàm số $y = -3x^4 + 7x^2 + 5$ tại điểm có hoành độ bằng -3 có dạng $y = ax + b$. Tính $a - b$.

Lời giải:

Ta có: $x_0 = -3 \Rightarrow y_0 = -175$

$$f'(-3) = 282$$

Vậy phương trình tiếp tuyến là: $y = 282x + 671 \Rightarrow a = 282, b = 671$.

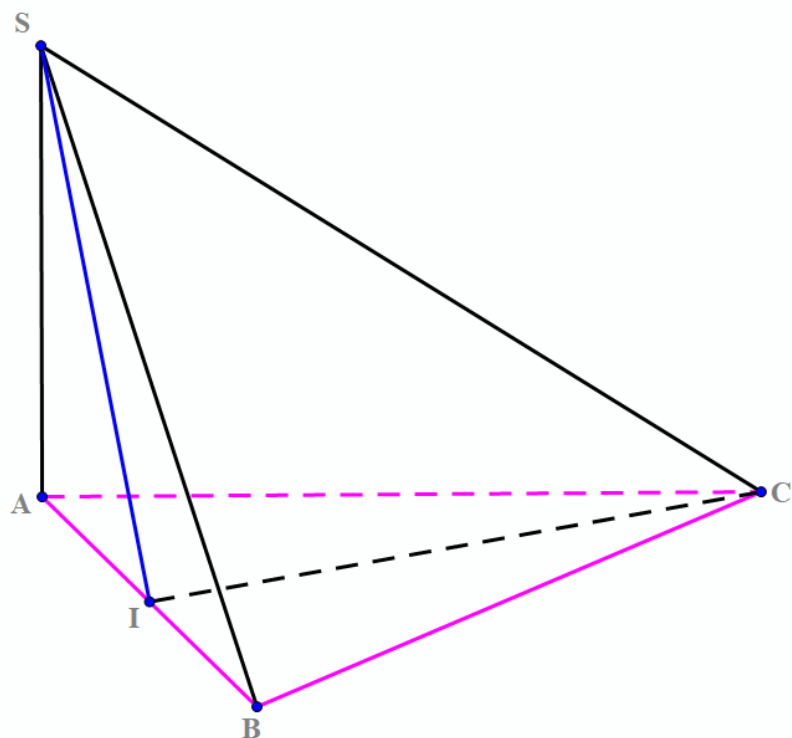
$$a - b = -389$$

Câu 22: 16

Lời giải:

Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác đều cạnh $2a$, $SA \perp (ABC)$ và $SA = 6a$. Tính theo đơn vị độ góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng (SAB) ? (Kết quả làm tròn đến độ).

Lời giải



Kẻ $CI \perp AB \Rightarrow I$ là trung điểm AB

Ta có: $\begin{cases} CI \perp AB \\ CI \perp SA \end{cases} \Rightarrow CI \perp (SAB)$ tại I và SC cắt mp (SAB) tại S

$\Rightarrow SI$ là hình chiếu của SC trên mp (SAB)

$\Rightarrow (SC, (SAB)) = (SC, SI) = CSI$

Xét tam giác SCI vuông tại I : $\sin CSI = \frac{IC}{SC} = \frac{AB\sqrt{3}}{2\sqrt{SA^2 + AC^2}} = \frac{\sqrt{30}}{20}$

$CSI \approx 16^\circ$

Vậy $(SC, (SAB)) \approx 16^\circ$.